



Mã mẫu / Sample Code: 083/04/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 144/04/2026	Ngày / Date: 28/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
Địa chỉ / Address : Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Vòi đầu nguồn tại Nhà máy nước Tháp Chàm - 914 đường 21/8, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 2 chai nhựa, 1 chai thủy tinh và 1 ống nghiệm 50 mL có nắp vận
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01
2	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	E.coli ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
4	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 5,0	15
5	Mùi ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	7,0	6 - 8,5
7	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	< 0,1	2
8	Clo dư ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/63 (Method HACH 1407799)	0,8	0,2 - 1
9	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,9	2
10	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1	1

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

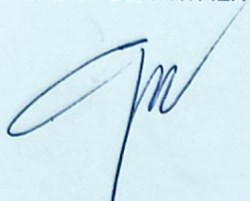
(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang. /This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.

Nhận xét: Các chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

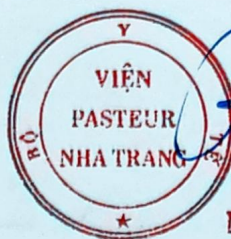
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông





Mã mẫu / Sample Code: 084/04/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 145/04/2026	Ngày / Date: 28/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
Địa chỉ / Address : Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Trường Tiểu học Đô Vinh 2 - 1118 đường 21/8, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 2 chai nhựa, 1 chai thủy tinh và 1 ống nghiệm 50 mL có nắp vặn
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01
2	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	E.coli ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
4	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 5,0	15
5	Mùi ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	7,0	6 - 8,5
7	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	< 0,1	2
8	Clo dư ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/63 (Method HACH 1407799)	0,7	0,2 - 1
9	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,8	2
10	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1	1

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017 / Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

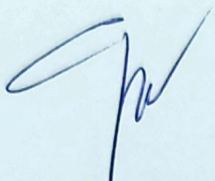
(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm. / This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang. / This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample information are written as client's request.

Nhận xét: Các chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



Hồ Văn Quốc

KT. VIỆN TRƯỞNG
V. DIRECTOR



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thành Đông





Mã mẫu / Sample Code: 085/04/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 146/04/2026	Ngày / Date: 28/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
Địa chỉ / Address : Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Ban Quản lý Dự án và Dịch vụ công ích - Phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 2 chai nhựa, 1 chai thủy tinh và 1 ống nghiệm 50 mL có nắp vận
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01
2	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	E.coli ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
4	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 5,0	15
5	Mùi ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	7,0	6 - 8,5
7	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	< 0,1	2
8	Clo dư ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/63 (Method HACH 1407799)	0,7	0,2 - 1
9	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,8	2
10	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1	1

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

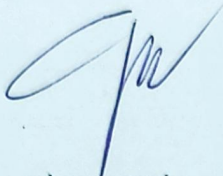
(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang./ This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.

Nhận xét: Các chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



Hồ Văn Quốc

V. VIỆN TRƯỞNG
V. DIRECTOR



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thành Đông





Mã mẫu / Sample Code: 086/04/2026/HH-VS	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 147/04/2026	Ngày / Date: 28/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN
Địa chỉ / Address : Số 14 Tô Hiệu, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Hộ gia đình Trần Quang Khang - Phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 2 chai nhựa, 1 chai thủy tinh và 1 ống nghiệm 50 mL có nắp vặn
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01
2	Coliform tổng số ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
3	<i>E.coli</i> ^(a) (CFU/100mL)	(ISO 9308-1:2014)	< 1	< 1
4	Màu ^(a) (Pt/Co)	QTKN/HL/15 (SMEWW - 2120 C:2023)	< 5,0	15
5	Mùi ^(a)	(TCVN 2653:1978)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH ^(a)	QTKN/HL/10 (SMEWW-4500 H ⁺ -B:2017)	7,1	6 - 8,5
7	Độ đục ^(a) (NTU)	QTKN/HL/01 (SMEWW-2130 B:2017)	< 0,1	2
8	Clo dư ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/63 (Method HACH 1407799)	0,7	0,2 - 1
9	Chỉ số Pecmanganat ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/18 (TCVN 6186:1996)	0,8	2
10	Amoni ^(a) (mgN/L)	QTKN/HL/04 (SMEWW - 4500 NH ₃ -F:2017)	< 0,1	1

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

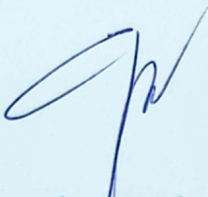
(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang. /This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.

Nhận xét: Các chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



Hồ Văn Quốc

KT. VIỆN TRƯỞNG
V. DIRECTOR



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thành Đồng

